

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

MODULO S3S LOW

MODULOS3L

Giày th ể **thao** a **không có kim** l
i **mái** th ải **giày** **MODULO** **chống** **tính** năng an toàn
ế **thoáng khí**, **lót chống** ESD, và ngón chân an toàn, v.v. Đ ư ợc làm
t ừ **nguyên** **chất**.

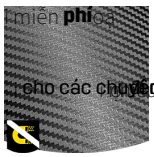
Những vật liệu cao cấp hơn	sợ
ót bên trong	i 3D tái chế (100% tái chế)
rong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ
ngoài Đ	BASF PU/BASF PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S3S / SR, SC, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0 JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330
g lượng thép	0.536 kg
ẩn hiệu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024 IS 15298 (Part 2): 2016



GRY



112 AH7 BLK



Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng
miễn **phí** o
cho các chuyên gia trong ngành giày.



ẩn **chạy** thu
Không ử dụng một cú pháp bất kỳ



mũi chống **mài mòn (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng hao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng giày an toàn



ớt **(SR)** Chống t
dây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử
tiến hành trong phòng thí nghiệm và đã



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn sự tích tụ nguy hiểm do tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
Đế chống đâm thủng. Bao phủ 100% bàn chân

Công nghiệp n:

Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n ghiệ ạch n , Làm s vụ ăn uố cần g, hậ

ường: Môi t

rư ờn g môi khô, Bề mặt cự c mị n ờn, môi ẩm ư ớt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp phù hợp

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết quả	đơn vị đo lường
Nhữ n g vật liệu sợ cao cấp h ơn				
	Top: khả năng thấm hút ẩm	? 0.8	8.20	mg/cm/giờ
	Top: hiệu suất hấp thụ	? 15	68	mg/cm2
ót bên trong	i 3D tái ch ế (100% tái ch ế)			
	Lớp lót: khả năng thấm hút ẩm	? 2	60.62	mg/cm/giờ
	lót: hiệu suất hấp thụ	? 20	485	mg/cm2
rong	Đ ệ m chân SJ làm t ừ mút tái ch ế (96% vật l iệu tái ch ế)			
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ
goài	Đ BASF PU/BASF PU			
	Ch ố n g mài mòn đế ngoài (	? 150	127mm³ (Density:1.09g/cm³)	mm
	Chư ố ợt trơ gót bàn - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.33	ma sát
	rư Cột cố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.42	ma sát
	rư Cột SR ợt G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.22	ma sát
	Chư ố ợt trơ SR G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.25	ma sát
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	31.5	megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	21	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân củ	? 20	31	J
Đ ứ n g đầ	Nanocarbon			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.5	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.0	mm

kích thước thép: 42

a chú ý Safety Jogger có thể thay đổi nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự miêu t ả	ết quả	đơn vị đo lường
i CO phát thả			
	V ật l iệu	6.60	kg
	Bao bì	0.20	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		8.95 kg CO2/cặp	

	Sự miêu t ả	ết quả	K
ệ vật l Tiệ ý tái ch ế			
	Product	10%	
	Bao bì	18%	

Tính toán CO2:
rị đ Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.